BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 412/QĐTN – ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

"V/v công nhận tốt nghiệp hệ đại học chính quy đợt xét tháng 8/2015"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ quyết định số 2638/QĐ-BYT ngày 18/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ - BGD&ĐT ban hành ngày 15/8/2007 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Qui định về tổ chức đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ – ĐHKTYTHD ban hành ngày 26/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ nghị quyết phiên họp Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 13 tháng 8 năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học chính quy khoá 2011 - 2015 cho 420 sinh viên thuộc các ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Xét nghiệm y học, Phục hồi chức năng và 02 sinh viên khóa 2010 - 2014 thuộc các ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2:Các ông, bà Trưởng phòng Đào tạo, phòng Kiểm định chất lượng Đào tạo, phòng Tổ chức cán bộ, phòng HCQT, phòng Công tác học sinh-sinh viên, phòng Trang thiết bị, phòng Tài chính kế toán, phòng QLKH & HTQT, phòng CNTT, khoa Điều dưỡng, khoa Chẩn đoán hình ảnh, khoa Xét nghiệm, khoa Vật lý trị liệu/PHCN và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

TS.Đinh Thị Diệu Hằng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
1	211021087	Nguyễn Thanh Bình	25/10/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	6.58	Trung bình khá
2	311021001	Bùi Thị Lan Anh	21/01/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.24	Khá
3	311021002	Lê Thị Vân Anh	05/03/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	8.07	Giỏi
4	311021003	Phạm Thị Ngọc Anh	09/03/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	6.43	Trung bình khá
5	311021004	Hoàng Thị Chinh	30/07/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	6.81	Trung bình khá
6	311021005	Nguyễn Thị Diễm	17/03/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	6.96	Trung bình khá
7	311021006	Phạm Thị Dung	25/02/1992	01ĐH11ĐD	Thanh Hóa	7.59	Khá
8	311021007	Vũ Thị Thuỳ Dung	19/08/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.16	Khá
9	311021008	Bùi Thị Duyên	08/06/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	6.9	Trung bình khá
10	311021009	Đỗ Thị Duyên	16/09/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.09	Khá
11	311021010	Nguyễn Thị Hạnh	10/08/1993	01ĐH11ĐD	Thanh Hóa	6.98	Trung bình khá
12	311021011	Trần Thị Hạnh	18/10/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.15	Khá
13	311021013	Nguyễn Thu Hằng	01/10/1992	01ĐH11ĐD	TP Hà Nội	7.49	Khá
14	311021016	Nguyễn Thị Hồng	20/08/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Ninh	7.35	Khá
15	311021017	Bùi Thị Huệ	06/09/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.23	Khá
16	311021018	Hoàng Thị Minh Huệ	02/05/1993	01ĐH11ĐD	Vĩnh Phúc	6.68	Trung bình khá
17	311021019	Dương Thị Huyền	20/03/1992	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.19	Khá
18	311021020	Bùi Thị Hương	07/09/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.13	Khá
19	311021021	Nguyễn Thị Thu Hương	12/11/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.23	Khá
20	311021022	Phan Thị Hương	13/10/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.24	Khá
21	311021023	Trịnh Thị Hương	27/07/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Ninh	6.86	Trung bình khá
22	311021024	Vi Thị Hướng	15/03/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	6.91	Trung bình khá
23	311021025	Bùi Thị Hường	28/03/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	6.71	Trung bình khá
24	311021026	Nguyễn Thị Thu Hường	03/02/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.14	Khá
25	311021027	Nguyễn Thị Khuyến	16/09/1992	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.37	Khá
26	311021029	Nguyễn Thị Mỹ Linh	22/09/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.3	Khá
27	311021030	Bùi Thị Ly	05/12/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Ninh	8.07	Giỏi
28	311021031	Phạm Thị Miền	13/12/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	6.78	Trung bình khá
29	311021032	Dương Thị Nga	23/03/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	6.96	Trung bình khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
30	311021033	Nguyễn Thị Nga	08/06/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.21	Khá
31	311021034	Văn Thị Nga	06/12/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.31	Khá
32	311021035	Nguyễn Thị Ngân	13/10/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.29	Khá
33	311021036	Phùng Thị Bích Ngọc	02/03/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.7	Khá
34	311021037	Vũ Minh Ngọc	22/07/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.05	Khá
35	311021038	Bùi Ngọc Nhài	19/01/1993	01ĐH11ĐD	Nam Định	7.21	Khá
36	311021039	Bùi Thị Uyên	03/11/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.3	Khá
37	311021040	Phạm Thị Minh Phương	25/01/1993	01ĐH11ĐD	Hải Phòng	7.63	Khá
38	311021041	Thi Thị Phượng	05/03/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.18	Khá
39	311021042	Nguyễn Ngọc Quang	02/10/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	6.61	Trung bình khá
40	311021043	Hoàng Thuý Sang	01/02/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.41	Khá
41	311021044	Nguyễn Thị Thanh Tâm	21/03/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.61	Khá
42	311021045	Dương Thị Thanh	26/03/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.08	Khá
43	311021046	Nguyễn Thị Thế	19/08/1993	01ĐH11ĐD	Vĩnh Phúc	7.45	Khá
44	311021047	Vũ Thị Thơ	04/12/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.41	Khá
45	311021048	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	11/09/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.21	Khá
46	311021049	Phùng Thị Thùy	04/08/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.08	Khá
47	311021050	Nguyễn Thị Thư	12/09/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.11	Khá
48	311021051	Nguyễn Thị Thương	03/04/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.7	Khá
49	311021052	Nguyễn Thị Tuyền	03/09/1993	01ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.27	Khá
50	311021053	Hà Thị Thu Trang	07/08/1992	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.33	Khá
51	311021054	Nguyễn Thị Trang	01/02/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Ninh	7.39	Khá
52	311021055	Trần Thị Trang	16/07/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	7.51	Khá
53	311021056	Nguyễn Thị Yến	20/02/1993	01ĐH11ĐD	Bắc Ninh	6.77	Trung bình khá
54	311021057	Vũ Thị Ngọc Yến	22/08/1993	01ĐH11ĐD	Hải Dương	6.98	Trung bình khá
55	311021058	Nguyễn Thị Vân Anh	04/06/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	6.97	Trung bình khá
56	311021059	Trương Thị Vân Anh	21/10/1992	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.78	Khá
57	311021060	Nguyễn Quỳnh Chi	20/07/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	6.56	Trung bình khá
58	311021061	Đặng Thị Mỹ Dung	01/10/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.48	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
59	311021062	Nguyễn Thị Duyên	06/04/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	6.76	Trung bình khá
60	311021063	Phạm Thị Duyên	07/04/1992	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.31	Khá
61	311021064	Trần Văn Định	20/11/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.1	Khá
62	311021065	Nguyễn Thu Hà	12/03/1992	02ĐH11ĐD	Hải Dương	6.69	Trung bình khá
63	311021066	Nguyễn THị Hạnh	20/10/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.64	Khá
64	311021067	Bùi Thị Hằng	20/08/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.47	Khá
65	311021068	Nguyễn Thị Thanh Hằng	07/10/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.47	Khá
66	311021069	Đỗ Thị Hậu	28/10/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.56	Khá
67	311021070	Nguyễn Thị Hậu	23/05/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	6.84	Trung bình khá
68	311021071	Kim Thị Hoà	20/10/1993	02ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.21	Khá
69	311021072	Lê Thị Huệ	01/05/1993	02ĐH11ĐD	Thanh Hóa	7.03	Khá
70	311021073	Nguyễn Thị Huyền	30/09/1992	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.76	Khá
71	311021074	Nguyễn Thị Hương	17/12/1993	02ĐH11ĐD	Ninh Bình	7.71	Khá
72	311021075	Nguyễn Thị Thanh Hương	17/09/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.08	Khá
73	311021076	Đào Thị Hường	23/07/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.24	Khá
74	311021077	Phạm Phương Lâm	29/11/1993	02ĐH11ĐD	TP Hà Nội	7.67	Khá
75	311021079	Nguyễn Thị Loan	17/09/1993	02ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.37	Khá
76	311021080	Tống Thị Loan	10/07/1993	02ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.35	Khá
77	311021081	Vũ Thị Loan	02/07/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.31	Khá
78	311021082	Lê Thị Luân	12/07/1993	02ĐH11ĐD	Bắc Giang	6.97	Trung bình khá
79	311021083	Phạm Thị Mai	03/06/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.67	Khá
80	311021084	Trương Thị My	20/11/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.33	Khá
81	311021085	Trình Thị Năm	12/10/1992	02ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.17	Khá
82	311021086	Ngô Thị Thanh Nga	09/03/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	6.77	Trung bình khá
83	311021087	Nguyễn Thị Nga	27/05/1993	02ĐH11ĐD	Thái Bình	7.07	Khá
84	311021088	Đàm Thị Hồng Ngát	28/12/1992	02ĐH11ĐD	Bắc Ninh	6.85	Trung bình khá
85	311021089	Đào Thị Ngọc	06/07/1993	02ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.42	Khá
86	311021090	Nhữ Thị Ngọc	03/01/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.51	Khá
87	311021091	Phạm Thị Ngọc	30/12/1992	02ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.23	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
88	311021093	Vũ Thị Nhung	14/03/1993	02ĐH11ĐD	Ninh Bình	7.91	Khá
89	311021094	Nguyễn Thị Lâm Oanh	20/10/1993	02ĐH11ĐD	Thanh Hóa	7.19	Khá
90	311021096	Nguyễn Thị Phương	05/03/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.02	Khá
91	311021095	Ngô Thị Phương	02/08/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	6.88	Trung bình khá
92	311021097	Phùng Thị Phượng	24/09/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.34	Khá
93	311021098	Kiều Thị Sang	01/12/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.21	Khá
94	311021099	Nguyễn Thị Tâm	01/05/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.27	Khá
95	311021101	Dương Hồng Thảo	05/04/1993	02ĐH11ĐD	Bắc Giang	8	Giỏi
96	311021102	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/11/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	6.78	Trung bình khá
97	311021103	Vũ Thị Hồng Thắm	24/09/1993	02ĐH11ĐD	Bắc Giang	7.02	Khá
98	311021104	An Thị Thu	28/09/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	7.08	Khá
99	311021105	Nguyễn Hoàng Lệ Thu	10/08/1993	02ĐH11ĐD	Hưng Yên	6.53	Trung bình khá
100	311021106	Nguyễn Thị Thu	01/09/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.84	Khá
101	311021107	Nguyễn Thị Thúy	01/01/1993	02ĐH11ĐD	TP Hà Nội	7.12	Khá
102	311021108	Trần Thị Thanh Thủy	19/07/1993	02ĐH11ĐD	Bắc Ninh	7.2	Khá
103	311021109	Nguyễn Thị Hồng Thư	30/11/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	6.64	Trung bình khá
104	311021110	Hồ Đình Tuấn	03/11/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.05	Khá
105	311021111	Dương Thị Tuyết	15/06/1993	02ĐH11ĐD	Thanh Hóa	7.35	Khá
106	311021112	Vũ Thị Kiều Trang	03/06/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	6.7	Trung bình khá
107	311021113	Trương Yến Vi	05/05/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.34	Khá
108	311021114	Lê Thị Yến	17/02/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.2	Khá
109	311021115	Trương Thị Yến	10/03/1993	02ĐH11ĐD	Hải Dương	7.1	Khá
110	211061039	Trần Thị Bích	04/09/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	7.09	Khá
111	211061047	Nguyễn Thị Lụa	20/02/1993	01ĐH11GMHS	Bắc Giang	7.5	Khá
112	211061086	Dương Thị Thanh Phượng	05/08/1993	01ĐH11GMHS	Hà Nam	7.5	Khá
113	211061088	Phạm Thị Trang	02/01/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	7.34	Khá
114	311061001	Trần Thị Phượng Anh	24/02/1992	01ĐH11GMHS	Vĩnh Phúc	6.73	Trung bình khá
115	311061002	Ngô Thị Bé	03/01/1993	01ĐH11GMHS	Hà Tĩnh	7.06	Khá
116	311061003	Nguyễn Thị Việt Chinh	08/08/1993	01ĐH11GMHS	Hưng Yên	7.07	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
117	311061005	Lê Thị Dung	02/02/1992	01ĐH11GMHS	Thanh Hóa	6.89	Trung bình khá
118	311061006	Lê Thị Thanh Hà	05/10/1993	01ĐH11GMHS	Hưng Yên	7.16	Khá
119	311061008	Mã Thu Hằng	10/08/1993	01ĐH11GMHS	Thanh Hóa	7.33	Khá
120	311061011	Nguyễn Thị Thu Hiền	07/09/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	6.93	Trung bình khá
121	311061012	Kiều Thị Hiệp	30/07/1993	01ĐH11GMHS	TP Hà Nội	7.33	Khá
122	311061013	Lê Thị Hiệp	30/04/1993	01ĐH11GMHS	Thanh Hóa	7.11	Khá
123	311061015	Dương Thị Hồng	25/10/1992	01ĐH11GMHS	Hải Phòng	6.39	Trung bình khá
124	311061017	Nguyễn Ngọc Huân	25/11/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	6.3	Trung bình khá
125	311061018	Nguyễn Thị Út Huệ	03/04/1992	01ĐH11GMHS	Vĩnh Phúc	6.93	Trung bình khá
126	311061019	Nguyễn Thị Huyền	24/02/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	6.83	Trung bình khá
127	311061020	Vũ Thị Hương	10/11/1993	01ĐH11GMHS	Bắc Ninh	7.27	Khá
128	311061021	Đào Thị Hường	06/04/1993	01ĐH11GMHS	Quảng Ninh	7.11	Khá
129	311061022	Nguyễn Thị Thanh Hường	07/11/1993	01ĐH11GMHS	Bắc Ninh	6.77	Trung bình khá
130	311061023	Đỗ Thị Kiều	21/10/1993	01ĐH11GMHS	Hưng Yên	7.16	Khá
131	311061024	Nguyễn Thị La	23/02/1992	01ĐH11GMHS	Bắc Giang	7.12	Khá
132	311061025	Nguyễn Thị Lan	12/06/1993	01ĐH11GMHS	Bắc Ninh	7.27	Khá
133	311061026	Đỗ Thị Linh	24/03/1993	01ĐH11GMHS	Nam Định	7.28	Khá
134	311061028	Phùng Thị Lý	07/08/1993	01ĐH11GMHS	Ninh Bình	6.61	Trung bình khá
135	311061029	Đỗ Thị Mai	03/07/1993	01ĐH11GMHS	TP Hà Nội	6.67	Trung bình khá
136	311061032	Lê Thị Mãi	20/01/1993	01ĐH11GMHS	Hưng Yên	6.69	Trung bình khá
137	311061035	Nguyễn Thị Minh	04/09/1993	01ĐH11GMHS	Bắc Giang	7.38	Khá
138	311061036	Phạm Thị Mừng	27/07/1993	01ĐH11GMHS	Hưng Yên	7.11	Khá
139	311061037	Bùi Thị Ngọc	25/04/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	6.53	Trung bình khá
140	311061038	Nghiêm Thị Ngọc	15/09/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	7.38	Khá
141	311061039	Nguyễn Thị Ngọc	02/03/1992	01ĐH11GMHS	Nghệ An	7.17	Khá
142	311061040	Trần Thị Nguyệt	06/02/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	7.17	Khá
143	311061041	Vũ Thị Nhàn	24/05/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	7.04	Khá
144	311061042	Nguyễn Thị Nhung	08/02/1993	01ĐH11GMHS	Bắc Giang	7.13	Khá
145	311061043	Hoàng Thị Ninh	28/03/1993	01ĐH11GMHS	Bắc Giang	7	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
146	311061044	Nguyễn Thị Oanh	14/09/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	6.58	Trung bình khá
147	311061045	Phạm Thị Phương	10/02/1993	01ĐH11GMHS	Bắc Giang	7.29	Khá
148	311061047	La Thị Thanh	12/12/1993	01ĐH11GMHS	Vĩnh Phúc	7.56	Khá
149	311061048	Bùi Thị Thu Thảo	12/10/1993	01ĐH11GMHS	Quảng Ninh	7.05	Khá
150	311061049	Hoàng Thị Thu	06/12/1992	01ĐH11GMHS	Bắc Giang	6.48	Trung bình khá
151	311061050	Nguyễn Thị Thu	23/12/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	7.22	Khá
152	311061051	Bùi Thị Ngọc Thuý	23/12/1991	01ĐH11GMHS	Hải Dương	7.16	Khá
153	311061052	Trần Thị Thuý	12/09/1993	01ĐH11GMHS	Vĩnh Phúc	6.64	Trung bình khá
154	311061054	Lê Ngọc Tuyết	08/07/1993	01ĐH11GMHS	Hưng Yên	6.56	Trung bình khá
155	311061055	Nguyễn Thị Triền	02/03/1992	01ĐH11GMHS	Bắc Giang	6.36	Trung bình khá
156	311061056	Hoàng Thị ánh Vân	02/07/1993	01ĐH11GMHS	Ninh Bình	6.71	Trung bình khá
157	311061058	Ngô Thị Yến	04/05/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	6.85	Trung bình khá
158	311061059	Nguyễn Thị Hải Yến	02/09/1993	01ĐH11GMHS	Hải Dương	7.06	Khá
159	311061060	Nguyễn Thị Hải Yến	27/03/1993	01ĐH11GMHS	Phú Thọ	6.84	Trung bình khá
160	311061061	Phạm Thị Yến	18/08/1992	01ĐH11GMHS	Đắc Lắc	7.55	Khá
161	311061063	Nguyễn Thị Hằng	01/06/1993	01ĐH11GMHS	TP Hà Nội	6.62	Trung bình khá
162	311061064	Lý Thị Thanh Loan	02/05/1993	01ĐH11GMHS	Bắc Kạn	6.39	Trung bình khá
163	311061065	Nông Thị Hiền	02/10/1993	01ĐH11GMHS	Bắc Kạn	6.92	Trung bình khá
164	211011078	Lưu Thị Hoa	15/08/1992	01ĐH11NHA	Hưng Yên	6.83	Trung bình khá
165	311011001	Ngô Thị Anh	20/03/1993	01ĐH11NHA	Bắc Giang	7.16	Khá
166	311011002	Nguyễn Thị Phương Anh	07/10/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.25	Khá
167	311011003	Trần Thị Anh	08/03/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	6.85	Trung bình khá
168	311011004	Trần Thị Lan Anh	10/04/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.29	Khá
169	311011005	Phan Thị Ngọc Ánh	07/10/1993	01ĐH11NHA	Hưng Yên	7.39	Khá
170	311011006	Nguyễn Thị Cảnh	22/02/1993	01ĐH11NHA	Bắc Ninh	7.06	Khá
171	311011007	Nguyễn Thị Dung	01/02/1993	01ĐH11NHA	Hưng Yên	7.16	Khá
172	311011008	Trần Thanh Dung	09/05/1993	01ĐH11NHA	Nam Định	7.26	Khá
173	311011009	Nguyễn Thị Hà	19/05/1993	01ĐH11NHA	Thanh Hóa	6.85	Trung bình khá
174	311011010	Nguyễn Thị Ngọc Hà	04/02/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.55	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
175	311011012	Nguyễn Thị Hằng	15/11/1993	01ĐH11NHA	TP Hà Nội	7.15	Khá
176	311011013	Nguyễn Thị Hằng	10/06/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.21	Khá
177	311011014	Trần Thị Thu Hằng	09/05/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.04	Khá
178	311011015	Đặng Thị Hậu	07/11/1992	01ĐH11NHA	Bắc Giang	6.98	Trung bình khá
179	311011016	Nguyễn Thị Thu Hiền	17/10/1993	01ĐH11NHA	Bắc Ninh	6.86	Trung bình khá
180	311011017	Trần Thị Hiền	14/10/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.39	Khá
181	311011018	Nguyễn Thị Hoa	30/11/1993	01ĐH11NHA	Bắc Ninh	6.89	Trung bình khá
182	311011019	Nguyễn Thị Hồng Hoa	24/04/1992	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.1	Khá
183	311011020	Vũ Thị Hoa	02/06/1993	01ĐH11NHA	Hưng Yên	6.94	Trung bình khá
184	311011021	Nguyễn Thị Hồng	14/05/1993	01ĐH11NHA	Vĩnh Phúc	7.07	Khá
185	311011022	Vũ Thị Hồng	16/12/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.46	Khá
186	311011023	Nguyễn Thị Huệ	10/09/1993	01ĐH11NHA	Bắc Giang	7.17	Khá
187	311011024	Phạm Thị Minh Huệ	30/06/1993	01ĐH11NHA	Bắc Ninh	7	Khá
188	311011025	Nguyễn Thị Huyên	13/08/1993	01ĐH11NHA	Thái Bình	7.35	Khá
189	311011026	Đỗ Thị Thanh Huyền	30/07/1993	01ĐH11NHA	Bắc Ninh	6.49	Trung bình khá
190	311011027	Nguyễn Thị Huyền	27/04/1993	01ĐH11NHA	Bắc Ninh	6.82	Trung bình khá
191	311011029	Lê Thị Thanh Hương	08/09/1993	01ĐH11NHA	TP Hà Nội	7.51	Khá
192	311011030	Nguyễn Thị Hương	08/12/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.13	Khá
193	311011031	Tạ Thị Hương	28/08/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.24	Khá
194	311011032	Vũ Mai Hương	02/12/1993	01ĐH11NHA	TP Hà Nội	7.03	Khá
195	311011034	Nguyễn Văn Khoa	12/06/1992	01ĐH11NHA	Hải Dương	6.68	Trung bình khá
196	311011035	Thân Thị Khôi	22/08/1992	01ĐH11NHA	Bắc Giang	7.13	Khá
197	311011036	Phạm Thị Khuyên	24/10/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.13	Khá
198	311011037	Nguyễn Thị Lệ	26/11/1993	01ĐH11NHA	Bắc Ninh	7	Khá
199	311011040	Lê Thị Linh	12/08/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.36	Khá
200	311011041	Phan Thị Lịch	12/04/1993	01ĐH11NHA	Bắc Ninh	6.95	Trung bình khá
201	311011042	Bùi Thị Thu Lộc	21/04/1993	01ĐH11NHA	Bắc Giang	7.1	Khá
202	311011043	Nguyễn Thị Mơ	15/03/1993	01ĐH11NHA	Nam Định	6.7	Trung bình khá
203	311011044	Nguyễn Thị Ngân	05/04/1993	01ĐH11NHA	Thanh Hóa	7	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
204	311011045	Hoàng Thị Minh Ngọc	03/03/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	6.71	Trung bình khá
205	311011046	Mai Thị Nguyệt	17/05/1993	01ĐH11NHA	Thanh Hóa	7.24	Khá
206	311011047	Nguyễn Thị Ninh	12/07/1993	01ĐH11NHA	Bắc Giang	7.4	Khá
207	311011048	Hà Thị Phương	20/01/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.48	Khá
208	311011049	Phạm Thị Phương	13/10/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.08	Khá
209	311011050	Lương Văn Quân	01/08/1992	01ĐH11NHA	Hải Dương	6.75	Trung bình khá
210	311011051	Vũ Văn Quý	11/11/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.25	Khá
211	311011052	Nguyễn Thị Soan	11/08/1993	01ĐH11NHA	Bắc Giang	7.07	Khá
212	311011053	Nguyễn Thị Thu Thanh	19/12/1993	01ĐH11NHA	Hưng Yên	6.94	Trung bình khá
213	311011054	Nguyễn Thị Bích Thảo	24/02/1993	01ĐH11NHA	Hưng Yên	7.06	Khá
214	311011056	Vương Thị Thuỳ	18/03/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.04	Khá
215	311011057	Phạm Thị Thủy	10/12/1993	01ĐH11NHA	Hải Phòng	7.24	Khá
216	311011058	Lê Thị Tình	09/01/1993	01ĐH11NHA	Thanh Hóa	6.85	Trung bình khá
217	311011059	Nguyễn Thị Đài Trang	20/12/1993	01ĐH11NHA	Hưng Yên	7.25	Khá
218	311011060	Nguyễn Thị Thu Trang	06/12/1993	01ĐH11NHA	Bắc Ninh	7.21	Khá
219	311011061	Nguyễn Thị Trâm	02/12/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	7.17	Khá
220	311011063	Phạm Thế Vũ	26/02/1993	01ĐH11NHA	Hải Dương	6.55	Trung bình khá
221	311011064	Vũ Thị Hằng	21/10/1993	01ĐH11NHA	Hưng Yên	7.07	Khá
222	311011065	Nguyễn Hoài Thu	25/07/1993	01ĐH11NHA	Thanh Hóa	6.68	Trung bình khá
223	211081024	Lê Thị Phượng	12/11/1992	01ĐH11VL	Thanh Hóa	7.66	Khá
224	211081040	Nguyễn Thị Thơm	21/09/1992	01ĐH11VL	Nam Định	6.85	Trung bình khá
225	311081001	Nguyễn Thị An	24/05/1993	01ĐH11VL	Bắc Giang	7.41	Khá
226	311081002	Đinh Thị Vân Anh	26/08/1993	01ĐH11VL	Hưng Yên	7.57	Khá
227	311081003	Lê Thị Ngọc Anh	04/10/1993	01ĐH11VL	Hải Dương	7.05	Khá
228	311081004	Trần Tuấn Anh	16/10/1993	01ĐH11VL	Hải Dương	6.75	Trung bình khá
229	311081005	Tô Thị Ngọc ánh	21/10/1993	01ĐH11VL	Bắc Giang	6.73	Trung bình khá
230	311081006	Nguyễn Thị Chi	15/03/1993	01ĐH11VL	Bắc Giang	7.92	Khá
231	311081008	Phạm Văn Đức	10/08/1992	01ĐH11VL	Hải Dương	6.83	Trung bình khá
232	311081009	Vũ Thị Hương Giang	08/02/1993	01ĐH11VL	Hưng Yên	7.61	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
233	311081010	Nguyễn Thị Hạnh	07/10/1993	01ĐH11VL	Bắc Giang	7.65	Khá
234	311081011	Đào Thị Hiền	18/08/1993	01ĐH11VL	Bắc Giang	7.08	Khá
235	311081012	Đinh Xuân Hiền	11/03/1993	01ĐH11VL	Hải Dương	7.08	Khá
236	311081013	Đinh Thị Hoa	26/04/1993	01ĐH11VL	Quảng Ninh	7.77	Khá
237	311081014	Nguyễn Thị Huyền	14/09/1993	01ĐH11VL	Bắc Ninh	7.78	Khá
238	311081015	Lê Thị Hương	12/06/1993	01ĐH11VL	Thanh Hóa	7.11	Khá
239	311081016	Nguyễn Thị Hương	18/08/1992	01ĐH11VL	Thanh Hóa	7.29	Khá
240	311081017	Nguyễn Thị Hương	25/10/1991	01ĐH11VL	Bắc Ninh	7.46	Khá
241	311081018	Đỗ Thị Hường	19/02/1993	01ĐH11VL	Bắc Giang	7.2	Khá
242	311081019	Phạm Thị Là	23/03/1993	01ĐH11VL	Ninh Bình	7.69	Khá
243	311081020	Phạm Thế Linh	20/12/1993	01ĐH11VL	TP Hà Nội	7.34	Khá
244	311081021	Vũ Thị Lụa	27/02/1993	01ĐH11VL	Thái Bình	7.11	Khá
245	311081023	Phạm Thị Nhâm	11/06/1993	01ĐH11VL	Bắc Giang	7.43	Khá
246	311081024	Nguyễn Thị Nụ	23/09/1993	01ĐH11VL	TP Hà Nội	7.62	Khá
247	311081025	Lê Thị Thu Uyên	08/07/1993	01ĐH11VL	Hưng Yên	7.19	Khá
248	311081026	Trần Thị Phương	01/02/1993	01ĐH11VL	Ninh Bình	6.68	Trung bình khá
249	311081027	Nguyễn Thị Quế	30/04/1993	01ĐH11VL	Thanh Hóa	7.59	Khá
250	311081028	An Thị Quyên	30/09/1992	01ĐH11VL	Bắc Giang	6.78	Trung bình khá
251	311081029	Nguyễn Thị Tâm	25/10/1993	01ĐH11VL	Bắc Ninh	8.07	Giỏi
252	311081030	Đỗ Thị Thanh	10/08/1993	01ĐH11VL	Bắc Ninh	6.9	Trung bình khá
253	311081031	Nguyễn Thị Thắng	02/09/1992	01ĐH11VL	Thanh Hóa	6.87	Trung bình khá
254	311081032	Lê Văn Thiết	27/08/1993	01ĐH11VL	Hải Dương	7.42	Khá
255	311081034	Lê Thị Tiến	06/09/1993	01ĐH11VL	Thanh Hóa	7.52	Khá
256	311081035	Long Thanh Xuân	27/04/1993	01ĐH11VL	Lào Cai	7.03	Khá
257	311081036	Trần Thị Vân	21/08/1993	01ĐH11VL	Hải Dương	7.32	Khá
258	311081037	Nguyễn Văn Yên	10/03/1993	01ĐH11VL	Bắc Ninh	7.12	Khá
259	311081038	Đoàn Thị Thu Trang	17/09/1993	01ĐH11VL	Hải Dương	7.97	Khá
260	311081039	Vàng Thị Thu	06/04/1988	01ĐH11VL	Hà Giang	6.69	Trung bình khá
261	311081040	Hoàng Thị Nẻo	20/10/1991	01ĐH11VL	Hà Giang	6.78	Trung bình khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
262	311081041	Ly Thị Chúm	16/07/1989	01ĐH11VL	Hà Giang	6.71	Trung bình khá
263	311081042	Vũ Thị Tiên	06/09/1993	01ĐH11VL	Hà Giang	7	Khá
264	311081045	Nguyễn Thị Quý	15/01/1993	01ĐH11VL	Hà Tĩnh	7.16	Khá
265	311081046	Nguyễn Thị Thủy	23/02/1993	01ĐH11VL	Hải Phòng	7.45	Khá
266	211051109	Đoàn Thị Thùy Ninh	27/10/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	7.9	Khá
267	211051112	Trần Thị Thúy	13/06/1992	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.35	Khá
268	211051113	Phạm Thị Huyền	11/01/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	7.31	Khá
269	211051116	Nguyễn Văn Đồng	15/09/1992	01ĐH11XN	Ninh Bình	7.46	Khá
270	211051118	Lê Thị Ngọc	10/01/1993	01ĐH11XN	TP Hà Nội	7.88	Khá
271	211051120	Nguyễn Tiến Quân	19/05/1992	01ĐH11XN	Hưng Yên	7.77	Khá
272	211051121	Đỗ Thị Hồng Vân	29/08/1993	02ĐH11XN	Quảng Ninh	7.52	Khá
273	211051132	Nguyễn Thị Thanh Xuân	20/12/1992	01ĐH11XN	Vĩnh Phúc	7.6	Khá
274	211051159	Hoàng Văn Nghĩa	26/05/1992	01ĐH11XN	Thanh Hóa	7.13	Khá
275	311051001	Ngô Thị Ngọc Anh	10/12/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	7.22	Khá
276	311051002	Nguyễn Thị Hồng ánh	27/02/1993	01ĐH11XN	Hà Nam	7.55	Khá
277	311051003	Trần Thị Ngọc ánh	26/04/1993	01ĐH11XN	Phú Thọ	7.45	Khá
278	311051004	Dương Thị Thanh Cảnh	23/05/1992	01ĐH11XN	Lạng Sơn	6.9	Trung bình khá
279	311051005	Phạm Thị Cúc	17/01/1992	01ĐH11XN	Hải Dương	7.39	Khá
280	311051006	Phạm Thị Ngọc Dịu	01/09/1993	01ĐH11XN	Sơn La	7.49	Khá
281	311051008	Dương Thị Duyên	15/05/1992	01ĐH11XN	Lạng Sơn	7.04	Khá
282	311051009	Quản Thị Hồng Duyên	08/08/1993	01ĐH11XN	Hải Dương	7.84	Khá
283	311051011	Lưu Thị Được	06/11/1993	01ĐH11XN	Bắc Giang	7.23	Khá
284	311051012	Nguyễn Thị Hà	05/10/1993	01ĐH11XN	Bắc Giang	7.52	Khá
285	311051013	Phạm Thị Hồng Hạnh	18/10/1993	01ĐH11XN	Thái Bình	7.25	Khá
286	311051014	Nguyễn Thị Hằng	09/05/1993	01ĐH11XN	Thái Bình	7.98	Khá
287	311051015	Phạm Thị Hoa	05/11/1992	01ĐH11XN	Thanh Hóa	7.45	Khá
288	311051016	Trần Thị Hoa	21/02/1993	01ĐH11XN	Hải Dương	6.96	Trung bình khá
289	311051017	Nguyễn Thị Huế	30/08/1993	01ĐH11XN	Bắc Ninh	7.65	Khá
290	311051018	Nghiêm Thị Huyền	02/04/1993	01ĐH11XN	Hải Dương	7.61	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
291	311051019	Nguyễn Thị Huyền	14/11/1993	01ĐH11XN	Bắc Ninh	7.4	Khá
292	311051020	Trần Thị Huyền	19/09/1993	01ĐH11XN	Bắc Giang	7.03	Khá
293	311051021	Vương Thị Huyền	18/09/1993	01ĐH11XN	Bắc Ninh	7.22	Khá
294	311051022	Cao Thị Diễm Hương	08/08/1993	01ĐH11XN	Hưng Yên	7.37	Khá
295	311051023	Nguyễn Thị Hương	23/07/1993	01ĐH11XN	Hải Dương	7.46	Khá
296	311051024	Trần Thị Khuyên	24/03/1993	01ĐH11XN	Quảng Ninh	7.27	Khá
297	311051025	Thái Duy Kiên	19/03/1992	01ĐH11XN	Nghệ An	7.3	Khá
298	311051026	Nguyễn Tiến Lâm	31/10/1993	01ĐH11XN	TP Hà Nội	7.72	Khá
299	311051027	Hoàng Thị Liên	15/10/1991	01ĐH11XN	Thái Nguyên	6.8	Trung bình khá
300	311051028	Ngô Thị Khánh Linh	11/11/1993	01ĐH11XN	Bắc Giang	7.31	Khá
301	311051029	Nguyễn Tiến Long	31/10/1993	01ĐH11XN	TP Hà Nội	7.84	Khá
302	311051030	Phạm Thị Lý	23/06/1993	01ĐH11XN	Bắc Ninh	7.46	Khá
303	311051033	Nguyễn Thị Mừng	04/03/1993	01ĐH11XN	Thái Bình	7.67	Khá
304	311051035	Nguyễn Thị Nga	12/03/1993	01ĐH11XN	Bắc Giang	7.02	Khá
305	311051036	Vũ Thị Bích Ngọc	28/05/1992	01ĐH11XN	Bắc Giang	7.29	Khá
306	311051037	Nguyễn Đăng Phú	28/09/1993	01ĐH11XN	Bắc Ninh	7.55	Khá
307	311051038	Khổng Thị Phượng	28/03/1993	01ĐH11XN	Hải Dương	7.43	Khá
308	311051039	Lương Thị Phượng	28/10/1993	01ĐH11XN	Yên Bái	7.76	Khá
309	311051040	Hoàng Thị Quỳnh	24/05/1993	01ĐH11XN	Hưng Yên	7.08	Khá
310	311051041	Nguyễn Thị Quỳnh	15/10/1993	01ĐH11XN	Hưng Yên	7.43	Khá
311	311051042	Đinh Thị Tâm	14/11/1993	01ĐH11XN	TP Hà Nội	7.38	Khá
312	311051043	Nguyễn Thị Thái	20/09/1993	01ĐH11XN	Thanh Hóa	7.29	Khá
313	311051044	Ngô Thị Huyền Thảo	09/09/1992	01ĐH11XN	Nghệ An	7.35	Khá
314	311051045	Lê Thị Thanh Thế	29/07/1992	01ĐH11XN	Vĩnh Phúc	7.5	Khá
315	311051046	Nguyễn Thị Thoa	15/10/1993	01ĐH11XN	Hưng Yên	7.4	Khá
316	311051047	Nguyễn Thị Thơm	20/12/1993	01ĐH11XN	Hải Dương	7.09	Khá
317	311051048	Lê Văn Thu	30/09/1993	01ĐH11XN	Nghệ An	7.75	Khá
318	311051049	Nguyễn Thị Thuỷ	18/08/1993	01ĐH11XN	Hưng Yên	7.32	Khá
319	311051050	Nguyễn Thị Thương	23/10/1993	01ĐH11XN	Bắc Giang	7.15	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
320	311051051	Bùi Văn Toàn	02/12/1991	01ĐH11XN	Hải Dương	6.83	Trung bình khá
321	311051052	Vũ Đình Tuấn	06/06/1993	01ĐH11XN	Hải Dương	6.98	Trung bình khá
322	311051053	Phạm Thị Tuyết	08/11/1991	01ĐH11XN	Thanh Hóa	7.68	Khá
323	311051054	Trần Văn Tùng	06/02/1993	01ĐH11XN	Quảng Ninh	7.12	Khá
324	311051055	Lại Văn Trường	11/05/1993	01ĐH11XN	Hải Dương	7.62	Khá
325	311051056	Đỗ Thị Hồng Vân	14/10/1993	01ĐH11XN	Thanh Hóa	7.44	Khá
326	311051057	Thân Thị Yến	20/06/1993	01ĐH11XN	Bắc Giang	8.09	Giỏi
327	311051058	Củng Thị Hường	26/06/1990	01ĐH11XN	Hà Giang	6.37	Trung bình khá
328	311051060	Hoàng Thị Thanh	19/05/1993	01ĐH11XN	Bắc Kạn	6.5	Trung bình khá
329	311051062	Nguyễn Thị Vân Anh	14/03/1993	02ĐH11XN	Bắc Giang	8.02	Giỏi
330	311051063	Trần Ngọc Ánh	11/11/1993	02ĐH11XN	Bắc Giang	8	Giỏi
331	311051065	Vũ Thị Châm	29/03/1993	02ĐH11XN	TP Hà Nội	7.84	Khá
332	311051066	Lê Văn Công	25/08/1993	02ĐH11XN	Vĩnh Phúc	8.05	Giỏi
333	311051068	Hoàng Thị Thanh Dịu	21/05/1993	02ĐH11XN	Nghệ An	7.58	Khá
334	311051069	Lê Thị Doan	10/06/1993	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.39	Khá
335	311051070	Nguyễn Thị Thuý Dung	18/03/1993	02ĐH11XN	Vĩnh Phúc	7.7	Khá
336	311051071	Nguyễn Thị Hồng Duyên	09/09/1992	02ĐH11XN	Bắc Giang	7.62	Khá
337	311051073	Trần Thị Đan	11/06/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	7.3	Khá
338	311051075	Nguyễn Thị Hạnh	24/02/1993	02ĐH11XN	Bắc Ninh	7.21	Khá
339	311051076	Trần Thị Mỹ Hạnh	14/12/1992	02ĐH11XN	Bắc Ninh	7.35	Khá
340	311051078	Tống Thị Hoa	04/01/1992	02ĐH11XN	Thanh Hóa	7.26	Khá
341	311051079	Nguyễn Thu Hồng	03/01/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	7.15	Khá
342	311051080	Đặng Thị Huyên	20/02/1993	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.18	Khá
343	311051081	Nguyễn Thị Huyền	08/11/1993	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.39	Khá
344	311051082	Nguyễn Thị Huyền	05/11/1993	02ĐH11XN	Bắc Ninh	7.12	Khá
345	311051083	Vũ Thị Huyền	29/09/1992	02ĐH11XN	Thanh Hóa	7.22	Khá
346	311051085	Nguyễn Thị Lan Hương	07/11/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	7.8	Khá
347	311051087	Nguyễn Đức Kiên	09/03/1993	02ĐH11XN	Bắc Giang	6.94	Trung bình khá
348	311051088	Đặng Ngọc Lam	20/12/1993	02ĐH11XN	Thanh Hóa	6.85	Trung bình khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
349	311051089	Đỗ Thị Mĩ Lệ	05/10/1993	02ĐH11XN	Bắc Giang	7.28	Khá
350	311051090	Hoàng Thị Linh	11/02/1993	02ĐH11XN	Vĩnh Phúc	7.13	Khá
351	311051091	Phong Thị Diệu Linh	26/10/1993	02ĐH11XN	Lai Châu	7.2	Khá
352	311051093	Hà Thị Lý	27/03/1993	02ĐH11XN	Thanh Hóa	7.59	Khá
353	311051094	Quách Thị Mai	07/07/1992	02ĐH11XN	Thanh Hóa	6.95	Trung bình khá
354	311051095	Nguyễn Thị Minh	16/06/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	7.14	Khá
355	311051096	Nguyễn Văn Mười	05/05/1990	01ĐH11XN	Tuyên Quang	6.99	Trung bình khá
356	311051097	Hà Hải Nam	30/12/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	7.22	Khá
357	311051098	Nguyễn Thị Nga	13/01/1993	02ĐH11XN	Vĩnh Phúc	7.6	Khá
358	311051099	Phạm Bích Ngọc	23/08/1989	02ĐH11XN	Bắc Giang	8.08	Giỏi
359	311051100	Trần Thị Nõn	24/01/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	8.19	Giỏi
360	311051101	Khúc Thị Phương	26/08/1993	02ĐH11XN	Thái Bình	7.4	Khá
361	311051102	Lê Thị Thu Phượng	20/08/1993	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.88	Khá
362	311051103	Ngô Thị Phượng	14/03/1993	02ĐH11XN	Ninh Bình	7.73	Khá
363	311051104	Nguyễn Thị Như Quỳnh	22/04/1993	02ĐH11XN	Phú Thọ	7.88	Khá
364	311051105	Nguyễn Minh Sơn	04/06/1993	02ĐH11XN	Nam Định	6.79	Trung bình khá
365	311051106	Lùng Văn Sùng	15/12/1991	02ĐH11XN	Hà Giang	7.05	Khá
366	311051107	Lường Thị Thanh	15/07/1993	02ĐH11XN	Thanh Hóa	7.46	Khá
367	311051109	Đỗ Thị Thắm	13/08/1993	02ĐH11XN	Quảng Ninh	7.55	Khá
368	311051110	Nguyễn Thị Thoa	02/11/1993	02ĐH11XN	Nam Định	7.29	Khá
369	311051111	Lê Thị Thơm	05/11/1993	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.61	Khá
370	311051112	Nguyễn Thị Thời	02/01/1993	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.57	Khá
371	311051113	Lê Thị Thanh Thuỷ	08/03/1993	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.82	Khá
372	311051114	Vũ Thị Thuỷ	03/11/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	8.03	Giỏi
373	311051116	Hoàng Văn Tuân	20/09/1993	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.41	Khá
374	311051117	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	24/12/1993	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.56	Khá
375	311051118	Nguyễn Khắc Tú	21/03/1993	02ĐH11XN	Bắc Ninh	7.32	Khá
376	311051119	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	21/02/1993	02ĐH11XN	Hải Dương	7.29	Khá
377	311051122	Triệu Thị Phượng	24/09/1993	02ĐH11XN	Bắc Kạn	7.3	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
378	311051125	Trần Thị Yến	21/10/1993	02ĐH11XN	Hưng Yên	7.55	Khá
379	211071052	Vũ Mạnh Đình	26/01/1993	01ĐH11HA	Hải Dương	7.07	Khá
380	311071001	Bùi Văn An	02/09/1993	01ĐH11HA	Bắc Giang	7.4	Khá
381	311071004	Phạm Tuấn Anh	22/09/1992	01ĐH11HA	Hưng Yên	7.56	Khá
382	311071005	Trần Tuấn Anh	26/07/1992	01ĐH11HA	Hưng Yên	7.22	Khá
383	311071006	Trần Việt Anh	16/09/1993	01ĐH11HA	Thanh Hóa	7.43	Khá
384	311071008	Vũ Đức Anh	09/11/1992	01ĐH11HA	Hải Dương	7.37	Khá
385	311071011	Lục ánh Chiều	13/09/1993	01ĐH11HA	Bắc Giang	7.24	Khá
386	311071013	Nguyễn Văn Cường	25/07/1993	01ĐH11HA	Hải Dương	7.09	Khá
387	311071014	Nguyễn Quang Duân	19/02/1993	01ĐH11HA	TP Hà Nội	7.42	Khá
388	311071015	Lương Tiến Dũng	21/11/1993	01ĐH11HA	Lào Cai	7.27	Khá
389	311071016	Nguyễn Văn Dũng	06/11/1993	01ĐH11HA	Bắc Giang	7.52	Khá
390	311071018	Đặng Quang Đức	22/08/1993	01ĐH11HA	Vĩnh Phúc	7.15	Khá
391	311071020	Nguyễn Sỹ Hiên	14/09/1993	01ĐH11HA	Hải Dương	6.53	Trung bình khá
392	311071021	Đỗ Danh Hiếu	04/09/1993	01ĐH11HA	Bắc Ninh	6.58	Trung bình khá
393	311071022	Lê Văn Hoá	18/04/1993	01ĐH11HA	Hưng Yên	7.67	Khá
394	311071024	Vũ Văn Hội	26/10/1993	01ĐH11HA	Điện Biên	7.25	Khá
395	311071026	Vũ Quang Huy	27/06/1993	01ĐH11HA	Thái Bình	7.03	Khá
396	311071027	Hoàng Tiến Khánh	05/10/1993	01ĐH11HA	Bắc Giang	7.14	Khá
397	311071028	Lê Minh Kiên	17/12/1992	01ĐH11HA	Hưng Yên	7.1	Khá
398	311071035	Hoàng Văn Phan	29/10/1993	01ĐH11HA	Bắc Ninh	7.5	Khá
399	311071038	Mai Xuân Quí	07/09/1993	01ĐH11HA	Hòa Bình	6.99	Trung bình khá
400	311071039	Hoàng Ngọc Công Sơn	16/02/1993	01ĐH11HA	Cao Bằng	7.08	Khá
401	311071041	Lê Trung Tâm	07/10/1993	01ĐH11HA	Phú Thọ	6.93	Trung bình khá
402	311071042	Đinh Văn Thanh	05/09/1993	01ĐH11HA	Ninh Bình	7.2	Khá
403	311071043	Vũ Xuân Thanh	09/07/1992	01ĐH11HA	Bắc Giang	7.17	Khá
404	311071044	Nguyễn Viết Thái	25/02/1989	01ĐH11HA	Nghệ An	7.35	Khá
405	311071045	Vũ Đăng Thành	02/11/1993	01ĐH11HA	Hải Dương	6.82	Trung bình khá
406	311071046	Nguyễn Ngọc Thăng	02/10/1993	01ĐH11HA	Vĩnh Phúc	6.89	Trung bình khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 8/2015)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 412/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 01 tháng 9 năm 2015)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nơi sinh	TBC HT	Xếp loại TN
407	311071047	Phạm Quang Thắng	31/08/1993	01ĐH11HA	Hải Dương	6.53	Trung bình khá
408	311071049	Đoàn Công Thịnh	27/04/1993	01ĐH11HA	Vĩnh Phúc	8.01	Giỏi
409	311071050	Phan Văn Thường	30/10/1993	01ĐH11HA	Hải Dương	7.86	Khá
410	311071052	Ngô Văn Tiệp	18/05/1992	01ĐH11HA	Thanh Hóa	6.87	Trung bình khá
411	311071053	Bùi Xuân Tình	28/07/1993	01ĐH11HA	Lào Cai	8.1	Giỏi
412	311071054	Nguyễn Chí Toàn	06/02/1993	01ĐH11HA	Điện Biên	7.44	Khá
413	311071055	Đinh Văn Tuấn	19/12/1993	01ĐH11HA	Bắc Ninh	7.23	Khá
414	311071057	Vi Văn Tuy	02/04/1988	01ĐH11HA	Bắc Giang	7.53	Khá
415	311071060	Vũ Quốc Trung	20/02/1993	01ĐH11HA	Phú Thọ	6.61	Trung bình khá
416	311071062	Phạm Đức Việt	28/07/1993	01ĐH11HA	Hải Dương	7.1	Khá
417	311071063	Vũ Văn Việt	21/06/1993	01ĐH11HA	Bắc Ninh	7.5	Khá
418	311071064	Hà Quang Vinh	08/03/1993	01ĐH11HA	Vĩnh Phúc	7.55	Khá
419	311071066	Đỗ Văn Công	25/04/1993	01ĐH11HA	Bắc Kạn	6.96	Trung bình khá
420	311071069	Nguyễn Thế Lộc	01/05/1993	01ĐH11HA	Nam Định	6.8	Trung bình khá
421	311020151	Ngô Thị Huế	07/08/1992	03ĐH10ĐD	Bắc Giang	6.5	Trung bình khá
422	311070003	Nguyễn Tuấn Anh	10/10/1991	01ĐH10KTHA	Bắc Giang	6.51	Trung bình khá

Hải Dương, ngày 01 tháng 9 năm 2015

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Thị Minh Tâm

HIỆU TRƯỞNG

BỘ Y TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

TS.Đinh Thị Diệu Hằng